TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ - ST
Ngày 24/8/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bá Cường

Bà Phan Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoàng Sa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ H, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn PB, xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn TP 2, xã QT, huyện Nông Sơn, Quảng Nam.

Chị Phan Thị Mỹ H có mặt, anh Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ H và anh Võ Văn T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2020 tại UBND xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống bất đồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; vợ chồng thường hay cãi vả nhau. Sau khi chung sống được một thời gian thì anh T thường hay vắng nhà, đi làm ăn xa; chị H nhiều lần liên lạc nhưng anh T không về, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Khi ly hôn, theo chị H trình bày, chị có liên lạc bằng điện thoại để thông báo cho anh T biết nhưng anh T không hợp tác, không cung cấp địa chỉ nơi sinh sống hiện nay của anh cho chị H biết. Đến nay, chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ H và anh Võ Văn T có một con chung tên Võ Phan Ánh Dương, sinh ngày 12/11/2020. Từ khi sinh con, anh T không quan tâm đến mẹ con chị; hiện cháu Dương đang ở cùng với chị H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng chị không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành xác minh sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của đương sự. Kết quả xác minh thể hiện: Anh Võ Văn T hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Trung Phước 2, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam và đang sống cùng nhà với mẹ của mình; anh T thỉnh thoảng có về nhà nhưng không báo cho chị H và chính quyền địa phương biết. Do không xác định được thời điểm anh T trở về và có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án; bên cạnh đó, Tòa án cũng đã liên lạc với anh T bằng điện thoại để thông báo về nội dung vụ án, nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị anh T có mặt tại Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia hòa giải. Tuy nhiên, anh T không hợp tác, không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải để Tòa án hòa giải đoàn tụ giữa các đương sự. Tại các phiên tòa, anh T vắng mặt nhưng không có lý do chính đáng và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu của chị H về việc ly hôn anh T; về con chung, đề nghị giao con chung là

cháu Võ Phan Ánh Dương cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí, chị Phan Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012402, ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phan Thị Mỹ H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Võ Văn T, sinh năm 1979; trú tại thôn Trung Phước 2, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

1.2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Việc xác minh của Tòa án thể hiện anh Võ Văn T hiện nay có nơi cư trú rõ ràng, thỉnh thoảng anh T có trở về lại nơi cư trú nhưng không xác định được thời điểm cụ thể. Tuy nhiên, khi rời khỏi nơi cư trú, anh T không thông báo cho chính quyền địa phương, chị H và Tòa án biết thể hiện anh T không hợp tác, có ý cố tình giấu địa chỉ của mình. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng nói trên là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự về các phương thức tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng một mặt thể hiện sự không thiện chí trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự; mặt khác tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn T.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị Mỹ H và anh Võ Văn T chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2020 tại UBND xã Quế Trung, huyện Nông Sơn tỉnh Quảng Nam. Lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện việc chung sống và đăng ký kết hôn của chị H và anh T là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và không thuộc

trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, tranh chấp nuôi con và căn cứ vào quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các quy định của pháp luật dân sự, tố tụng dân sự để xem xét, giải quyết vụ án.

Trong quá trình chung sống hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và tính cách, thường hay cãi vả nhau và hiện tại không còn chung sống với nhau. Anh Võ Văn T không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy vợ chồng chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được, hiện nay không còn sống chung với nhau, điều đó làm ảnh hưởng đến tình nghĩa vợ chồng, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật nên cần căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh T có một con chung tên là Võ Phan Ánh Dương, sinh ngày 12/11/2020. Hiện cháu Dương đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: Sau khi sinh con, anh T không thường xuyên ở nhà để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; các đương sự không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, hiện nay cháu Ánh Dương còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi; chị H có các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Võ Phan Ánh Dương, sinh ngày 12/11/2020 cho chị Phan Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Dương thành niên là phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung và trình bày hiện tại vợ chồng không có các khoản nợ chung nên HĐXX không xét xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ H về *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ H được ly hôn với anh Võ Văn T. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ thời điểm bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Võ Phan Ánh Dương, sinh ngày 12/11/2020 cho đến khi cháu Dương thành niên.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tòa án có thể xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu.

- Về Án phí: Chị Phan Thị Mỹ H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp, theo biên lai thu số 0012402, ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự *(Để thi hành)*;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện KSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Quế Trung, huyện Nông Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hữu Phúc